

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HSST
Ngày 21-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Hợp.

Ông Vũ Bá Phương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thu Hương, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Vi Lương Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2017/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Vũ Đình D, sinh ngày 01/8/1976 tại xã X, thị xã Y, tỉnh Z;

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã X, thị xã Y, tỉnh Z;

Tạm trú tại: Tổ 17, phường S, thành phố B, tỉnh Cao Bằng;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; nghề nghiệp: xây dựng;

Con ông: Vũ Đình S và bà Đào Thị M;

Có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và 04 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bị hại:

1. Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1944 - đã chết.
2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1944 - đã chết.
3. Hoàng Thị D2, sinh năm 1978 - đã chết.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Ông Nguyễn Thanh A, sinh năm 1972 là con ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị H.

2. Ông Nguyễn Hoài B, sinh năm 1978 là con ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị H và là chồng của bà Hoàng Thị D2.

Cùng trú tại: Tổ 30, phố K, phường H, thành phố B, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Ông Hoàng Hữu I, sinh năm 1950 (bố của Hoàng Thị D2); trú tại: Tổ 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh B; có mặt.

4. Bà Phùng Thị X, sinh năm 1951 (mẹ của Hoàng Thị D2); trú tại: Tổ 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Cao Bằng do ông Lương Tuấn G, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B là người đại diện theo pháp luật. Ông G ủy quyền cho ông Nguyễn Anh L1, Phó Trưởng phòng quản lý đô thị thành phố tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 1329/GUQ-UBND ngày 05-9-2017; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trương Xuân O, sinh năm 1956, trú tại: Tổ 19, phường S, thành phố B, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Vũ Đình D bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng hơn 03 giờ sáng ngày 17-4-2016 tại tổ 30, phường H, thành phố B, tỉnh Cao Bằng xảy ra vụ đổ nhà của ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1944. Hậu quả ngôi nhà 05 tầng bị đổ sập hoàn toàn làm 03 người chết và 03 người bị thương. Công an tỉnh Cao Bằng đã tổ chức triển khai lực lượng đến bảo vệ hiện trường và phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và tiến hành các hoạt động điều tra xác định nguyên nhân làm đổ nhà.

Quá trình điều tra đã xác định được: Ngày 11-4-2016, ông Trương Xuân O được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy phép xây dựng số: 117/2016/GPXD để xây dựng ngôi nhà tại lô đất số 110b, địa chỉ: Tổ 30, phường H, thành phố B, tỉnh Cao Bằng. Ngày 15-4-2016, ông Trương Xuân O đã ký kết hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2016 với Vũ Đình D, hai bên thỏa thuận Vũ Đình D nhận thầu thi công xây nhà cho ông Trương Xuân O theo hồ sơ thiết kế và Giấy phép xây dựng đã được cấp.

Khoảng 19 giờ ngày 16-4-2016, Vũ Đình D tiến hành đào móng xây dựng nhà ở trên thửa đất số 110b thuộc tổ 30, phường H, thành phố B, tỉnh Cao Bằng. Những người tham gia thi công gồm: Vũ Đình D (chủ thầu xây dựng), Lương Mạnh C (kỹ sư giám sát thi công), Trương Ngọc Q (lái máy xúc) và một số người tham gia giúp việc như Nguyễn Đức D3, Chu Minh H2, Hoàng Văn K,

Liêu Văn M, Nguyễn Thế V, Hoàng Văn L, Lương Văn P. Ngoài ra, còn có mặt của ông Nguyễn Hữu Đ là chủ nhà liền kề.

Khi tiến hành đào móng nhà, Vũ Đình D đã chỉ đạo Trương Ngọc Q dùng máy xúc đào toàn bộ mặt nền nhà cũ của ông O xuống bằng với cos 0 vỉa hè giáp đường vườn hoa. Sau đó thấy đất rác còn nhiều, D cho máy xúc tiếp tục đào toàn bộ diện tích mặt nền nhà sâu thêm 01m và bắt đầu đào từng hố trụ để đổ móng đơn theo hồ sơ thiết kế. Vị trí hố đào thứ nhất ở góc trong cùng bên phải giáp nhà ông Nguyễn Hữu Đ và sau cửa hàng xe máy của Công ty A với kích thước để móng theo thiết kế là rộng 1,6m x dài 2m x sâu 2m, độ sâu được tính từ cos 0 mặt vỉa hè nhưng thực tế khi đào thì hố móng do đào bằng máy xúc nên có kích thước lớn hơn kích thước theo thiết kế. Sau khi đào xong hố thứ nhất, D chỉ đạo đào hố thứ hai nằm bên cạnh hố thứ nhất vị trí ở sau Cửa hàng xe máy của Công ty A và giáp đường vườn hoa.

Khi bắt đầu chuyển sang đào hố móng thứ ba thì thấy đất ở các bờ hố đào thứ nhất và hố đào thứ hai lở xuống nhiều, nước ngấm vào hai hố móng đã đào nên trong hố móng có nhiều bùn nhão, D đã bàn với C phá hai hố móng đã đào trước đó đi và đào vét toàn bộ nền nhà ông O. C không đồng tình với D về việc đào vét toàn bộ nền đất và nói phải đào hố móng theo hồ sơ thiết kế là từng hố trụ độc lập nhưng D vẫn tự mình quyết định đào vét toàn bộ nền nhà ông O lên, sau đó mới thi công đổ móng. Thấy vậy, C nói: Nếu D quyết đào như vậy thì phải đào cách nhà ông Nguyễn Hữu Đ 50cm và đào vát hất ra phía vườn hoa.

Sau khi tự mình quyết định biện pháp thi công, Vũ Đình D đã chỉ đạo Trương Ngọc Q phá bỏ hai hố đã đào và đào vét toàn bộ nền nhà ông O lên (kiểu đào ao), đào với độ sâu phía giáp nhà ông Đ khoảng 02m và độ sâu phía giáp đường vườn hoa là khoảng hơn 2,3m. Trong quá trình đào vét do có nước chảy ra làm đất bị nhão nên D đã chỉ đạo lái máy xúc đào hai hố với kích thước rộng 80cm x dài 90cm x sâu 40cm ở vị trí hố thứ hai sau khi đã bị phá bỏ và ở vị trí góc tiếp giáp vỉa hè đường bờ sông và đường vườn hoa để gom nước và bùn nhão lại, sau đó dùng máy xúc mức nước và bùn nhão đổ lên đường phía giáp vườn hoa rồi mức lên ô tô đem đi đổ. Khoảng 23 giờ cùng ngày thì kết thúc việc thi công đào móng, D đã cho mọi người của tổ thi công nghỉ ngơi, C rời công trình về nhà.

Đến khoảng hơn 03 giờ sáng ngày 17-4-2016, D chỉ đạo Trương Ngọc Q lái máy xúc đưa lên xe phoóc (xe chở máy xúc) để ra khỏi công trình. Trong khi Q đang điều khiển máy xúc thì ngôi nhà liền kề của ông Nguyễn Hữu Đ bị nghiêng và đổ sập hoàn toàn sang hố móng nhà ông Trương Xuân O vừa đào đè lên máy xúc và xe ô tô đang thi công tại công trường. Hậu quả làm chết 03 người, bị thương 3 người và làm hỏng một số phương tiện đang thi công.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Đình D khai nhận: Quá trình thi công đào móng nhà ông O thì ông Đ cũng có mặt. Khi đào hố móng gặp tình huống có nhiều đất rác kèm thêm nước chảy vào hố móng, việc đào từng hố trụ không thực hiện được thì D đã tham khảo ý kiến của ông Đ, ông Đ nói với D: “Móng nhà anh sâu từ 3,9 đến 4m, đào hố móng mà đất cứ lở xuống như thế thì phải vét hết” nên D

đã quyết định thay đổi biện pháp thi công từ việc chỉ đạo đào từng hố trụ sang đào vét toàn bộ nền nhà.

Ngày 17-4-2016, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cao Bằng đã ra các quyết định trưng cầu giám định về nguyên nhân chết của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị H và bà Hoàng Thị D2.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 029/16/TT, 030/16/TT, 031/16/TT ngày 22-4-2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cao Bằng kết luận:

+ Nguyên nhân chết của ông Nguyễn Hữu Đ do đa chấn thương nặng vùng đầu, mặt, ngực, bả vai, lưng: Vỡ xương thái dương trái, gãy trật khớp vai hai bên, gãy xương đòn phải, gãy cung bên xương sườn 3, 4, 5, 6 bên trái.

+ Nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị H do đa chấn thương, vết thương nặng vùng đầu mặt: Vỡ phức tạp xương hộp sọ vùng trán đỉnh, gãy xương hàm dưới hai bên.

+ Nguyên nhân chết của bà Hoàng Thị D2 do đa chấn thương, vết thương nặng vùng đầu, mặt: Vỡ phức tạp xương hộp sọ vùng trán đỉnh.

Ngày 04-5-2016, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cao Bằng đã ra các Quyết định trưng cầu giám định về thương tích của cháu Nguyễn Hoàng A, cháu Nguyễn Đức X, ông Nguyễn Hoài B và ông Trương Ngọc Q.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 041/16/TgT, 042/16/TgT, 043/16/TgT, 044/16/TgT ngày 26-5-2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cao Bằng kết luận:

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nguyễn Hoàng A là 0%; của Nguyễn Đức X là 02%; của Nguyễn Hoài B là 17%, của Trương Ngọc Q là 10%.

Ngày 30-6-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã Quyết định trưng cầu Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng giám định nguyên nhân dẫn đến sự cố đổ sập nhà ông Nguyễn Hữu Đ.

Tại Báo cáo giám định nguyên nhân dẫn đến sự cố đổ sập nhà ngày 06-10-2016 của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng kết luận về nguyên nhân sự cố: “Trong quá trình đào đất hố móng nhà ông Trương Xuân O, do lớp đất bề mặt bị lấy đi, khả năng chịu tải của đất dưới đáy móng công trình nhà ở ông Nguyễn Hữu Đ bị suy giảm và đạt tới trạng thái giới hạn. Đồng thời độ lún dưới các chân cột (giáp với khu vực hố đào) tăng, có thể xuất hiện mặt trượt cục bộ dưới đáy móng. Hậu quả dẫn đến kết cấu bị sụp đổ cục bộ tại khu vực này và kéo theo sự sụp đổ dây chuyền của toàn bộ công trình nhà ở ông Nguyễn Hữu Đ. Ảnh hưởng của việc vỡ đường ống thoát nước thải dẫn đến đất nền bị nhão làm giảm khả năng chịu lực của đất nền cũng là một yếu tố bổ sung dẫn đến sự cố đổ sập”.

Ngày 12-9-2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng ra quyết định trưng cầu định giá tài sản số: 64/PC44 trưng cầu Hội đồng định giá

tài sản trong tổ tụng hình sự cấp tỉnh định giá ngôi nhà 05 tầng + 01 tum và các tài sản bên trong nhà ông Nguyễn Hữu Đ.

Ngày 18-10-2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Cao Bằng có kết luận định giá tài sản số: 995/KL-HĐĐGTS kết luận: Tổng giá trị ngôi nhà 05 tầng + 01 tum có diện tích sàn 457,3m² tại thời điểm ngày 17-4-2016 là 2.479.474.000,0đ (hai tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng). Riêng tài sản trong nhà do không có cơ sở xác định nguồn gốc, giá trị nên không có căn cứ để định giá.

Ngày 23-7-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng tiếp tục ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 01/PC44 trưng cầu định giá một số tài sản có giấy tờ chứng minh bên trong nhà ông Nguyễn Hữu Đ.

Ngày 14-2-2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Cao Bằng có kết luận định giá tài sản số 93/KL-HĐĐGTS kết luận: Tổng trị giá của một số loại tài sản có căn cứ để định giá tính đến thời điểm xảy ra sự cố đổ sập nhà ngày 17-4-2016 là 266.465.000,0đ (hai trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi năm nghìn đồng).

Nguyên nhân dẫn đến sự cố đổ nhà ông Nguyễn Hữu Đ tại tổ 30, phường H, thành phố B, tỉnh Cao Bằng là do quá trình thi công xây dựng Vũ Đình D không thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về lĩnh vực xây dựng được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 25 Nghị định số: 46/NĐ-CP ngày 12-5-2015 của Chính phủ và điểm 2.12.1.2 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong xây dựng của Bộ Xây dựng (QCVN 18/2014/BXD).

Tại bản Cáo trạng số: 22/KSĐT-KT ngày 31-5-2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Vũ Đình D về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 Điều 229 Bộ luật Hình sự. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Vũ Đình D về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Đình D phạm tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”; áp dụng khoản 3 Điều 229; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Đình D 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Vũ Đình D phải bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho ông Hoàng Hữu I, bà Phùng Thị X và bồi thường các chi phí hợp lý các khoản tiền khắc phục hậu quả do sự cố đổ nhà gây ra cho Ủy ban nhân dân thành phố B theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo Vũ Đình D và những người tham gia tổ tụng khác.

XÉT THẤY:

Khi trình bày ý kiến về bản cáo trạng và các tình tiết của vụ án, bị cáo Vũ Đình D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như Biên bản khám nghiệm hiện trường nhà ông Nguyễn Hữu Đ, tổ 30, phường H, thành phố B, tỉnh Cao Bằng ngày 17-4-2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B; Biên bản khám nghiệm tử thi ngày 17-4-2016 đối với ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Hoàng Thị D2 với sự tham gia của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Bác sỹ pháp y thuộc Trung tâm Pháp y tỉnh, cán bộ Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh, Công an phường H, thành phố B, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và sự chứng kiến của người làm chứng; Bản kết luận giám định pháp y về tử thi ngày 22-4-2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cao Bằng đối với ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Hoàng Thị D2; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích ngày 26-5-2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh B đối với cháu Nguyễn Hoàng A, cháu Nguyễn Đức X, ông Nguyễn Hoài B và ông Trương Ngọc Q; Kết luận định giá tài sản ngày 18-10-2016 đối với ngôi nhà 05 tầng + 01 tum, ngày 14-2-2017 đối với một số loại tài sản có căn cứ để định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp tỉnh; Công văn số 1448/SXD-XD ngày 29-12-2016 của Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng; Báo cáo giám định nguyên nhân dẫn đến sự cố đổ sập nhà, hợp đồng số 167/2016 VKH ngày 06-10-2016 của Viện Khoa học Công nghệ xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Ngoài ra, lời khai của Vũ Đình D còn phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như phù hợp với lời khai của những người làm chứng như Lương Mạnh C, Trương Ngọc Q, Chu Minh H2, Nguyễn Đức D3, Hoàng Văn K là những người có mặt tại hiện trường khi Vũ Đình D bắt đầu thi công đào móng nhà cho đến khi ngôi nhà ông Nguyễn Hữu Đ bị đổ sập.

Nguyên nhân dẫn đến sự cố đổ nhà ông Nguyễn Hữu Đ tại tổ 30, phường H, thành phố B, tỉnh Cao Bằng một phần là do nhà được xây dựng trên nền đất yếu, nguyên nhân chính là do quá trình thi công xây dựng Vũ Đình D không thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về lĩnh vực xây dựng được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 25 Nghị định số 46/NĐ-CP ngày 12-5-2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và điểm 2.12.1.2 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong xây dựng của Bộ Xây dựng (QCVN 18/2014/BXD), các văn bản trên quy định: “*Chỉ được phép đào đất hố móng, đào hào theo hồ sơ thiết kế biện pháp thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt*”. Khi ký hợp đồng kinh tế nhận thầu thi công xây dựng công trình nhà ở cho ông Trương Xuân O, Vũ Đình D không lập hồ sơ thiết kế biện pháp thi công trình chủ đầu tư phê duyệt theo quy định nhưng vẫn tiến hành thi công đào móng, việc đào móng cũng không đúng với hồ sơ thiết kế đã dẫn đến sự cố công trình làm đổ sập nhà ông Nguyễn Hữu Đ.

Từ các chứng cứ, tài liệu nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận Vũ Đình D khi thi công đào móng để xây dựng nhà ở cho ông Trương Xuân O đã có hành vi vi phạm quy định về xây dựng, đào móng không theo hồ sơ thiết kế dẫn đến làm đổ sập nhà ông Nguyễn Hữu Đ, hậu quả làm 03 người bị chết, 03 người bị thương với tổng tỷ lệ thương tích của những người này là 29%, thiệt hại về tài sản 2.745.939.000,0đ (hai tỷ bảy trăm bốn mươi năm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng). Hành vi đó của Vũ Đình D đã gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội vi phạm quy định về xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 229 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi vi phạm quy định về xây dựng của Vũ Đình D đã xâm phạm đến an toàn công cộng, an toàn trong thi công công trình xây dựng, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của công dân nên cần xử lý theo quy định của pháp luật để phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Bị cáo Vũ Đình D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; người phạm tội thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; người đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo do lỗi vô ý vì quá tự tin do trước khi thi công ông Nguyễn Hữu Đ nói móng nhà ông Đ sâu 3,9m - 4,0m trong khi các hồ móng công trình nhà ở ông O do D chỉ đạo đào có độ sâu chưa tới độ sâu của đáy đế móng công trình nhà ở ông Nguyễn Hữu Đ. Do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định và không cần bắt bị cáo phải cách ly xã hội mà chỉ giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục vẫn bảo đảm tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Trong giai đoạn điều tra vụ án, bị cáo Vũ Đình D và những người đại diện hợp pháp của người bị hại là Nguyễn Thanh A, Nguyễn Hoài B đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại về tính mạng, về sức khỏe và về tài sản cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại với tổng số tiền bồi thường là 4.000.000.000,0đ (bốn tỷ đồng chẵn). Trước đó bị cáo đã bồi thường cho gia đình người bị hại 140.000.000,0đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Tổng cộng số tiền bị cáo đã bồi thường là 4.140.000.000,0đ (bốn tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn), những người đại diện hợp pháp của người bị hại là Nguyễn Thanh A, Nguyễn Hoài B không yêu cầu giải quyết phần bồi thường nên Tòa án không xem xét việc bồi thường cho những người này. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của người bị hại Hoàng Thị D2 là ông Hoàng Hữu I và bà Phùng Thị X (là bố, mẹ đẻ của người bị hại) không được tham gia vào việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa Vũ Đình D với Nguyễn Thanh A, Nguyễn Hoài B, Tô Quỳnh C2, cũng chưa được bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của Vũ Đình D gây ra và có yêu cầu Vũ Đình D phải bồi thường tiền bù đắp tổn

thất về tinh thần cho ông I, bà X nên D phải có trách nhiệm bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho ông I, bà X theo quy định của pháp luật.

Số tiền D phải bồi thường cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Hoàng Thị D2 bao gồm: chồng, 02 con và bố, mẹ đẻ người bị hại, tổng cộng 05 người bằng 100 tháng lương cơ bản, mỗi người được bồi thường bằng 20 tháng lương cơ bản, số tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho chồng của D2 là Nguyễn Hoài B và 02 con chung của B và D2 là 60 tháng lương cơ bản thì B đã nhận trong tổng số tiền D đã bồi thường, số tiền bố, mẹ đẻ của D2 được bồi thường tương ứng với 40 tháng lương cơ bản: $40 \text{ tháng lương cơ bản} \times 1.300.000,0\text{đ} = 52.000.000,0\text{đ}$ (năm mươi hai triệu đồng chẵn)

Ngoài số tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần thì Vũ Đình D còn phải có trách nhiệm hoàn trả các khoản chi phí hợp lý cho việc thực hiện công tác khắc phục sự cố công trình nhà ông Nguyễn Hữu Đ bị đổ sập tại tổ 30, phường H, thành phố B, cụ thể từng khoản phải bồi thường như sau:

+ Các chi phí bảo vệ, dọn dẹp hiện trường của các tổ chức, cá nhân do Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng thành phố chủ trì thực hiện: 261.592.000,0đ.

+ Chi phí cho lực lượng tham gia bảo vệ hiện trường, cứu nạn: $10 \text{ người/ca} \times 04 \text{ ca trực/ngày} \times 03 \text{ ngày} \times 100.000,0\text{đ/người/ca trực} = 12.000.000,0\text{đ}$

+ Chi cho phường H: 4.672.000,0đ, không chấp nhận chi phí phục vụ tang lễ 4.300.000,0đ do trong phần bồi thường cho gia đình người bị hại đã có chi phí mai táng.

Tổng cộng số tiền Vũ Đình D phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân thành phố B là 278.264.000,0đ (hai trăm bảy mươi tám triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đình D phạm tội vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng.

Áp dụng khoản 3 Điều 229; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Vũ Đình D 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21-9-2017. Giao bị cáo Vũ Đình D cho Ủy ban nhân dân xã X, thị xã Y, tỉnh Z giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp Vũ Đình D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 591; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc Vũ Đình D phải có trách nhiệm bồi thường tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Hoàng Hữu I, sinh năm 1950 và bà Phùng Thị X, sinh năm 1951 (là bố, mẹ đẻ của người bị hại Hoàng Thị D2); Cư trú tại: Tổ 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh Cao Bằng với số tiền phải bồi thường là 52.000.000,0đ (năm mươi hai triệu đồng chẵn).

Áp dụng khoản 4 Điều 119 Luật Xây dựng năm 2014; khoản 4 Điều 48 Nghị định số: 46/2015/NĐ-CP ngày 12-5-2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Buộc Vũ Đình D phải có trách nhiệm hoàn trả kinh phí thực hiện công tác khắc phục sự cố công trình nhà ở ông Nguyễn Hữu Đ tại tổ 30, phường H, thành phố B cho Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Cao Bằng với số tiền phải hoàn trả là 278.264.000,0đ (hai trăm bảy mươi tám triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn đồng chẵn).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu Vũ Đình D chưa bồi thường khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Đình D phải chịu phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,0đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 16.513.200,0đ (mười sáu triệu năm trăm mười ba nghìn hai trăm đồng). Tổng cộng là 16.713.200,0đ (mười sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn hai trăm đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Vũ Đình D, người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thanh A, Nguyễn Hoài B, Hoàng Hữu I và nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân thành phố B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại Phùng Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại giam CA tỉnh CB;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mã Văn Quân